

YÊU CẦU KỸ THUẬT

ТЕХНИЧЕСКОЕ ТРЕБОВАНИЕ

Gói dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cho thiết bị lưu trữ Purestorage C50
Пакет услуг технического обслуживания устройства балансировки интернет-трафика
Purestorage C50

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

ЦЕЛЕВОЕ НАЗНАЧЕНИЕ УСЛУГИ:

Cung cấp Gói dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cho thiết bị lưu trữ Purestorage nhằm duy trì hoạt động ổn định, liên tục và an toàn của hệ thống mạng Vietsovpetro.

Предоставление пакета услуг технического обслуживания устройства балансировки интернет-трафика Purestorage с целью обеспечения стабильной, непрерывной и безопасной работы сетевой системы Vietsovpetro.

2. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC DỊCH VỤ:

ОБЪЁМ И СОДЕРЖАНИЕ ОКАЗЫВАЕМЫХ УСЛУГ:

Nhà thầu cung cấp Gói dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cho thiết bị lưu trữ Purestorage trong vòng 1 năm cho 1 thiết bị Purestorage cụ thể như sau:

Подрядчик предоставляет пакет услуг технического обслуживания устройства балансировки интернет-трафика Purestorage сроком на 1 (один) год для 1 (двух) устройств Purestorage, а именно:

- Thiết bị Purestorage FA-C50R4-186TB serial PCHFJ2436005F: từ ngày 14/01/2027 đến hết ngày 14/01/2028.

Для устройства с серийным номером PCHFJ2436005F: с 14.01.2027 по 14.01.2028 включительно.

Gói dịch vụ gia hạn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cho thiết bị lưu trữ Purestorage bao gồm:

Пакет услуг технического обслуживания устройства балансировки интернет-трафика Purestorage включает:

- Quyền quản trị và giám sát thiết bị thông qua nền tảng Pure1 (<https://pure1.purestorage.com/>) của Purestorage.
Право администрирования и мониторинга устройств через облачную платформу Pure1 (<https://pure1.purestorage.com/>) компании Purestorage.
- Quyền truy cập, tải xuống và sử dụng các phiên bản firmware mới nhất.
Право доступа, загрузки и использования последних версий прошивки (Firmware).
- Quyền truy cập và sử dụng các bản vá bảo mật (Security Patches), bản sửa lỗi (Bug Fixes) và các bản cập nhật phần mềm do Purestorage phát hành trong thời gian hiệu lực của dịch vụ.
Право доступа и использования обновлений безопасности (Security Patches), исправлений ошибок (Bug Fixes) и иных обновлений программного обеспечения, выпускаемых компанией Purestorage в течение срока действия услуги.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến (Online Support) 5 ngày/tuần, 8 giờ/ngày theo chính sách của hãng.

Онлайн-техническая поддержка (Online Support) 5 дней в неделю, 8 часов в день в соответствии с политикой производителя.

- Bảo hành phần cứng theo hình thức Advanced Replacement của Purestorage.

Гарантийное обслуживание оборудования по программе Advanced Replacement компании Purestorage.

Dịch vụ có thể được gia hạn tối đa đến 03 năm kể từ ngày gói dịch vụ hiện tại hết hạn;

Услуга может быть продлена на срок до 3 (трёх) лет с даты окончания действия текущего пакета услуг.;

Địa điểm thực hiện: Dịch vụ được kích hoạt và quản lý trên hệ thống Pure1 của Vietsovpetro;

Место оказания услуги: услуга активируется и управляется в системе Pure1, используемой Vietsovpetro;

3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU:

ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКУ:

Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong vòng 03 năm gần nhất.

Подрядчик должен иметь опыт выполнения не менее 01 аналогичного договора в течение последних 03 лет.

Nhà thầu phải bố trí tối thiểu 01 nhân sự kỹ thuật có kinh nghiệm triển khai, quản trị, vận hành hoặc hỗ trợ kỹ thuật đối với thiết bị Purestorage.

Подрядчик должен назначить не менее одного технического специалиста, имеющего опыт внедрения, администрирования, эксплуатации либо технической поддержки оборудования Purestorage.

Nhà thầu phải phối hợp với bộ phận kỹ thuật của Vietsovpetro trong quá trình kích hoạt dịch vụ và kiểm tra hiệu lực dịch vụ trên hệ thống Pure1 (<https://pure1.purestorage.com/>).

Подрядчик обязан взаимодействовать с техническими специалистами Vietsovpetro в процессе активации услуги и проверки её действительности в системе Pure1(<https://pure1.purestorage.com/>).

4. THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ:

СРОК ОКАЗАНИЯ УСЛУГ:

Hoàn thành việc cung cấp và kích hoạt dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Завершить предоставление и активацию услуги в течение 30 дней с даты подписания договора.

Thời hạn thực hiện dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày bản quyền/gói dịch vụ hiện tại hết hạn.

Срок оказания услуг для первого периода составляет 12 месяцев с даты окончания действия текущего пакета услуг.

Vietsovpetro có quyền xem xét gia hạn dịch vụ theo nhu cầu thực tế, tổng thời gian tối đa không vượt quá 03 năm.

Vietsovpetro имеет право рассмотреть возможность продления срока оказания услуг в соответствии с фактическими потребностями, при этом общий срок не должен превышать 03 (трёх) лет.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU:

ОБЯЗАННОСТИ ПОДРЯДЧИКА:

Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính hãng và hiệu lực của dịch vụ cung cấp.

Подрядчик несёт ответственность за законность, подлинность и действительность предоставляемой услуги.

Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật từ xa theo yêu cầu của Vietsovpetro trong quá trình kích hoạt, kiểm tra và sử dụng dịch vụ.

Подрядчик обязан по запросу Vietsovpetro предоставлять удалённую техническую поддержку в процессе активации, проверки и использования услуги.

Mọi chi phí thiệt hại về con người, hư hỏng thiết bị, mất mát dữ liệu, lỗi hệ thống của Vietsovpetro được xác định là do lỗi của nhà thầu trong quá trình cung cấp dịch vụ thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm đền bù và khắc phục.

В случае, если любые затраты, связанные с ущербом для персонала, повреждением оборудования, потерей данных или сбоями в системе Vietsovpetro, определены как прямые последствия действий подрядчика, подрядчик обязан возместить ущерб и устранить его.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến kỹ thuật An toàn lao động, bảo hiểm và giải quyết các tai nạn lao động cho người của mình trong thời gian tiến hành thực hiện dịch vụ.

В случае направления персонала на объекты Vietsovpetro Подрядчик обязан соблюдать требования по охране труда, промышленной безопасности, страхованию и внутреннему распорядку Vietsovpetro.

6. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT:

ТРЕБОВАНИЯ К ДОКУМЕНТАМ ПРИЁМКИ И ПОДТВЕРЖДЕНИЯ УСЛУГ:

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hoặc thông tin xác thực từ Purestorage hoặc hệ thống Pure1 chứng minh dịch vụ đã được kích hoạt và còn hiệu lực.

Подрядчик обязан предоставить документы или подтверждение из системы Purestorage/Pure1, подтверждающие активацию и действительность услуги.

Tài liệu kỹ thuật bao gồm:

Техническая документация включает:

- Chứng nhận hoặc xác nhận kích hoạt dịch vụ của Purestorage;
Сертификат или подтверждение активации услуги Purestorage;
- Tài liệu hoặc ảnh chụp màn hình từ Pure1 thể hiện dịch vụ đã được kích hoạt;
Документ или снимок экрана из системы Pure1, подтверждающий активацию услуги;
- Biên bản nghiệm thu hoặc xác nhận hoàn thành dịch vụ.

Акт приёмки либо документ о завершении оказания услуги.

Hình thức bàn giao: điện tử (email hoặc công thông tin Pure1).

Форма передачи: в электронном виде (по электронной почте или через портал Pure1).

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

МЕТОД ОЦЕНКИ:

Hồ sơ chào thầu phần kỹ thuật được đánh giá theo Bảng Tiêu chí đánh giá kỹ thuật kèm theo.

Техническое предложение оценивается в соответствии с приложенной Таблицей критериев технической оценки.